

Số: 28/2024/QĐST-DS.

Ninh Hải, ngày 23 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành được lập ngày 15/5/2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn A, xã A1, huyện A2, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị M, sinh năm 1963; bà Lê Thị C, sinh năm 1966.

Cùng nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1./ Bà Lê Thị Ngày, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn L1, xã L2, huyện L3, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Ngày: Bà Lê Thị C, sinh năm 1966
(Theo giấy ủy quyền ngày 11/5/2023)

Nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận.

2./ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1952

3./ Bà Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1977

Cùng nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận.

4./ Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số 02 A N, phường N1, thành phố N2, tỉnh Ninh Thuận.

5./ Ông Lê Duy H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn A, xã A1, huyện A2i, tỉnh Ninh Thuận.

6./ Bà Lê Thị Cẩm N5, sinh năm 1983

7./ Ông Lê Duy T1, sinh năm 1988

Cùng nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà T, bà V, ông H, bà N, ông Tr: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1977 (Theo giấy ủy quyền ngày 11/5/2023)

Nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận.

8./ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958

9./ Bà Lê Thị Mộng T, sinh năm 1977

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã A1, huyện A2i, tỉnh Ninh Thuận.

10./ Bà Lê Thị H, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn F, xã F1, huyện F2, tỉnh Ninh Thuận.

11./ Bà Lê Thị Ngọc X, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn A, xã A1, huyện A2i, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền bà T, bà X, bà, bà H: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968 (Theo giấy ủy quyền chứng thực ngày 14/7/2023)

Nơi cư trú: Thôn A, xã A1, huyện A2i, tỉnh Ninh Thuận.

12./ Bà Lê Thị T5, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn H, xã H1, huyện H2, tỉnh Bình Thuận.

13./ Bà Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1989

14./ Bà Lê Thị Xuân H, sinh năm 1991

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã A1, huyện A2i, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền bà T, bà Tr, bà H là: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958 (Theo giấy ủy quyền cùng ngày 13/5/2024).

Nơi cư trú: Thôn A, xã A1, huyện A2i, tỉnh Ninh Thuận.

15./ Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Phục: Bà Lê Thị C, sinh năm 1966 (Theo giấy ủy quyền ngày 26/01/2024)

Nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự đều thống nhất thừa đất số 33 tờ bản đồ số 34b có diện tích 253m^2 (Giảm 8m^2 so với thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn, tọa lạc tại Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00309 ngày 03/10/2006 cho hộ ông Lê Văn L và vợ là bà Nguyễn Thị T là di sản của ông Lê Văn Lắm và bà Nguyễn Thị Tốt chết để lại, thống nhất chia cụ thể như sau:

- Ông Lê Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng thừa đất số 357, tờ bản đồ số 34b, có diện tích 65m^2 đất ở nông thôn, tọa lạc tại thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận. Được xác định bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo trích lục bản đồ địa chính số 105/VP.ĐKĐĐCNNH, ngày 23/4/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Hải.

Thừa đất số 33 tờ bản đồ số 34b nằm ở vị trí số 2, đất ở có giá $155.000\text{đồng}/\text{m}^2$, có hệ số điều chỉnh 1.5 theo biên bản định giá tài sản ngày 17/7/2023.

Phần của ông Lê Văn Đ được hưởng trị giá: $65\text{m}^2 \times 155.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 1.5 = 15.112.500\text{đồng}$

- Bà Lê Thị C được quyền quản lý, sử dụng thừa đất số 358, tờ bản đồ số 34b, có diện tích 188m^2 đất ở nông thôn, tọa lạc tại Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Ninh Thuận. Được xác định bởi các điểm 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 5, 4, 3 theo trích lục bản đồ địa chính số 105/VP.ĐKĐĐCNNH, ngày 23/4/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Hải.

Thừa đất số 33 tờ bản đồ số 34b nằm ở vị trí số 2, đất ở có giá $155.000\text{đồng}/\text{m}^2$, có hệ số điều chỉnh 1.5 theo biên bản định giá tài sản ngày 17/7/2023.

Phần bà Lê Thị C được hưởng trị giá: $188\text{m}^2 \times 155.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 1.5 = 43.710.000\text{đồng}$.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đồng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản gắn liền với đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn Đ đồng ý chịu $9.346.000$ đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, chi phí giám định. Ông Lê Văn Đ đã nộp đủ.

- Về án phí: Ông Lê Văn Đ đồng ý chịu số tiền 378.000đồng (Ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là $1.750.000$ đồng (Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0007458 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh

Hải, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn lại cho ông Lê Văn Đ số tiền chênh lệch là 1.372.000 đồng (*Một triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

- Bà Lê Thị C đồng ý chịu số tiền 1.093.000 đồng (*Một triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Lưu./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lan